

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST

Ngày 17-02-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đăng Khoa

Ông Nguyễn Thành Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 17 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn P; nơi cư trú ở Việt Nam: Thôn NL, xã BM, huyện NT, tỉnh Nam Định; nơi cư trú ở nước ngoài: 6539 SRd, SL, CA 94551, Hoa Kỳ

- *Bị đơn:* Chị Đào Minh H, nơi ĐKKHKT: Số 37/112A NQ, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: 29012 T, H, C, Hoa Kỳ.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn anh Trần Văn P và đơn ly hôn, đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và bản tự khai của bị đơn chị Đào Minh H (toàn bộ đã được hợp pháp hóa lãnh sự) thống nhất trình bày:

Anh Trần Văn P và chị Đào Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại UBND quận NQ, thành phố Hải Phòng từ ngày 24 tháng 02 năm 2016. Quá trình chung sống của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi chung sống, vợ chồng không có tiếng nói chung

trong cuộc sống gia đình. Sự bất đồng quan điểm ngày càng trở nên nghiêm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Nay, anh P và chị H đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cho anh chị được ly hôn với nhau, càng sớm càng tốt để anh chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh P và chị H đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh P và chị H đều xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Văn P và chị Đào Minh H đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh chị.

Tại phiên tòa, anh P và chị H đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có sự thay đổi nội dung tại bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Tại thời điểm thụ lý vụ án, trong quá trình công khai chứng cứ anh Trần Văn P đang sinh sống ở Việt Nam, chị Đào Thị H sinh sống ở nước ngoài nhưng chị H có đăng ký hộ khẩu thường trú ở Hải Phòng, anh P và chị H đều là công dân Việt Nam. Mặt khác, anh P và chị H đều đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết vụ án ly hôn của anh chị, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; **điểm b khoản 2 Điều 39**, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, anh Trần Văn P và chị Đào Minh H trên cơ sở tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại UBND quận NQ, thành phố Hải Phòng từ ngày 24 tháng 02 năm 2016 theo quy định tại Điều 9; Điều 10 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khi chung sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Sự bất đồng quan điểm ngày càng trở nên nghiêm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Vợ

chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian nhất định, không quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh P và chị H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của anh P.

[4] Về con chung: Anh Trần Văn P và chị Đào Minh H đều xác nhận không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Anh Trần Văn P và chị Đào Minh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn P và chị Đào Minh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn P được ly hôn chị Đào Minh H.
2. Về con chung: Anh Trần Văn P và chị Đào Minh H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Anh Trần Văn P và chị Đào Minh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn P phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2010/3917 ngày 31 tháng 01 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Trần Văn P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh Trần Văn P và chị Đào Minh H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND quận NQ, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuyến